

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/5/2024		●	
Tuần 13/5-17/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Thị trường bật tăng ngay từ lúc mở cửa lên vùng 1,265-1,270. Sau một ngày giằng co tại đây, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,268.78 điểm, tăng hơn 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Ngân hàng, Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, VN-Index có thể tiếp tục chuyển lên giao dịch trong vùng 1,270-1,280, tuy nhiên tồn tại rủi ro đến từ áp lực chốt lời tại vùng kháng cự cũ này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/05/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.39** điểm, đóng cửa tại **1268.78** điểm. HNX-Index **+1.24** điểm, đóng cửa tại **240.02** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.2)**, **TCB (+0.18)**, **BID (+1.4)**, **CTG (+1.13)**, **LPB (+0.92)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.31)**, **GVR (-0.19)**, **BCM (-0.12)**, **CMG (-0.11)**, **PGV (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,634** tỷ đồng, tăng **6.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,638 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.47 điểm. Thị trường có **300** mã tăng, 80 mã tham chiếu, **129** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **5.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (210.92 tỷ)**, **NLG (112.13 tỷ)**, **STB (56.04 tỷ)**, **BID (46.47 tỷ)**, **TCB (43.83 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **62.59** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.27%**. Các mã diễn biến tích cực: **PVS (+4.59%)**, **NLG (+3.77%)**, **TCB (+3.74%)**.
- BSC50 **+0.98%**. Các mã diễn biến tích cực: **SIP (+4.47%)**, **REE (+3.00%)**, **HDB (+2.98%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.27%	0.98%	1.15%	1.42%
1 tuần	0.87%	1.14%	0.46%	0.66%
1 tháng	3.06%	4.14%	2.65%	2.75%
3 tháng	3.22%	-2.97%	-0.89%	0.59%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,268.78	240.02	92.70
% 1D	1.15%	0.52%	0.65%
GTGD (tỷ VND)	20,634	2,154	1,093
%1D	6.89%	1.28%	25.96%
GDNN (tỷ VND)	5.82	62.59	-66.16

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	210.92	VHM	-192.72
NLG	112.13	PVD	-104.78
STB	56.04	MBB	-88.25
BID	46.47	CTG	-72.63
TCB	43.83	TCH	-47.44

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,247	0.48%	1.14%
FTSE100	8,446	0.21%	1.10%
Eurostoxx	5,085	0.15%	0.85%
Shanghai	3,120	-0.82%	-0.27%
Nikkei	38,381	0.17%	0.47%

Nguồn: Bloomberg

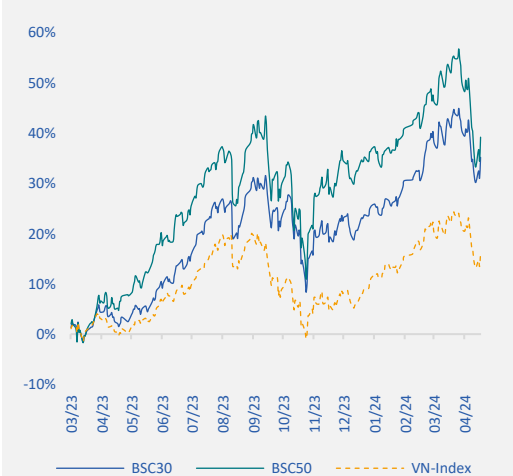
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	83.06	0.18%
Giá vàng	2,396	0.31%

Tỷ giá		
USD/VND	25,452	-0.12%
EUR/VND	28,429	0.53%
JPY/VND	169	1.81%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



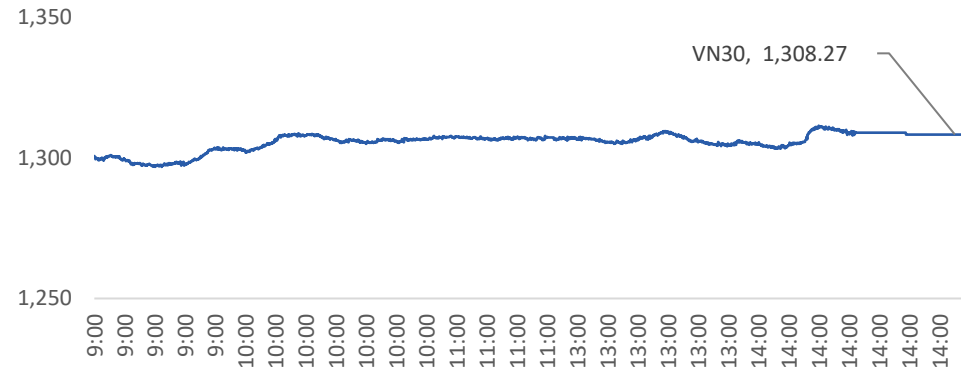
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1309.2	1.65%	135	35.00%	9/19/2024	126
VN30F2412	1310.6	1.68%	240	566.7%	12/19/2024	217
VN30F2405	1309.8	1.84%	180049	-11.09%	5/16/2024	0
VN30F2406	1308.5	1.67%	43223	99.12%	6/20/2024	35

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +18.30 điểm, đóng cửa tại 1308.27 điểm. Biên độ dao động 21.43 điểm. Các cổ phiếu như TCB, ACB, VPB, HDB, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30-Index nhờ lực kéo của nhóm cổ phiếu ngân hàng đã vượt qua đỉnh T3/2024. Thanh khoản thị trường hồi phục tốt trước thông tin hỗ trợ của nhóm CP ngân hàng. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2405, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2405,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2308	6/26/2024	41	96,400	44.52%	31.33	280	33.3%	0.00	32.73	22.65	22.65
CVHM2307	6/26/2024	41	5,300	56.49%	62.67	40	33.3%	0.00	62.99	40.25	40.25
CSTB2316	6/26/2024	41	81,000	28.99%	36.33	60	20.0%	0.01	36.63	28.40	28.40
CVRE2313	8/5/2024	81	12,300	33.95%	29.50	210	10.5%	0.04	30.34	22.65	22.65
CVRE2315	10/9/2024	146	296,600	40.57%	30.00	230	4.5%	0.05	31.84	22.65	22.65
CVHM2317	10/7/2024	144	666,500	35.61%	52.35	280	3.7%	0.06	54.59	40.25	40.25
CVHM2313	10/9/2024	146	209,000	32.42%	50.00	330	3.1%	0.08	53.30	40.25	40.25
CVNM2315	1/6/2025	235	1,000	38.20%	87.11	1,470	1.4%	0.21	92.87	67.20	67.20
CPOW2306	6/26/2024	41	800	44.57%	16.00	60	0.0%	0.00	16.12	11.15	11.15
CVRE2303	5/24/2024	8	266,800	10.77%	25.00	30	0.0%	0.01	25.09	22.65	22.65
CVHM2302	5/24/2024	8	1,019,600	24.52%	50.00	30	0.0%	0.00	50.12	40.25	40.25
CVNM2314	10/7/2024	144	486,600	31.61%	85.15	420	0.0%	0.05	88.44	67.20	67.20
CVIC2306	6/26/2024	41	158,000	34.81%	62.22	100	0.0%	0.00	63.02	46.75	46.75
CVIC2312	7/5/2024	50	33,200	16.89%	52.35	230	0.0%	0.05	54.65	46.75	46.75
CVRE2318	7/5/2024	50	3,500	39.51%	31.00	150	0.0%	0.00	31.60	22.65	22.65
CVHM2318	1/6/2025	235	5,100	44.49%	53.46	940	-4.1%	0.19	58.16	40.25	40.25
CVNM2310	8/9/2024	85	123,100	19.58%	78.40	200	-4.8%	0.04	80.36	67.20	67.20
CNVL2305	6/26/2024	41	12,800	25.47%	17.00	220	-8.3%	0.02	17.88	14.25	14.25
CVHM2311	8/5/2024	81	212,800	51.68%	60.50	110	-15.4%	0.00	61.05	40.25	40.25
CVHM2316	7/5/2024	50	18,500	28.68%	51.23	70	-30.0%	0.01	51.79	40.25	40.25

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/05/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2306 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CMWG2313 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.88%.
- CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CPOW2306, và CVRE2308 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2302, CFPT2310, CMWG2305, và CTCB2312 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	91.00	1.76%	2.20	1.79
TCB	25.20	3.92%	0.18	21.36
BID	48.60	2.06%	1.40	3.45
CTG	32.35	2.63%	1.13	14.32
LPB	20.60	6.80%	0.92	45.86

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	43.60	4.59%	3.83	10.93
DTK	11.20	8.04%	2.54	0.02
PVI	49.60	2.62%	1.20	0.25
HUT	17.20	1.74%	1.04	4.62
CDN	29.50	6.78%	0.81	0.09

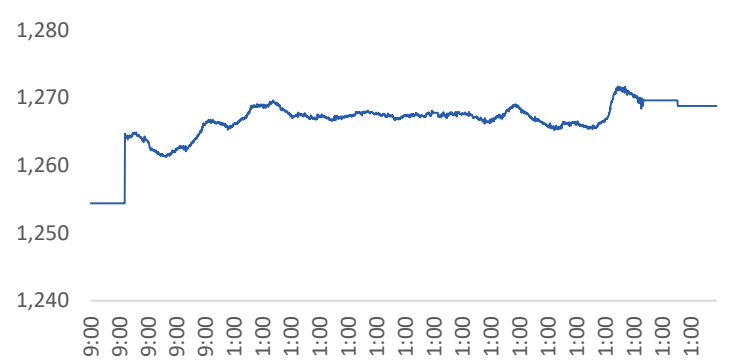
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TV2	36.70	6.95%	0.04	1.64
CIG	4.68	6.84%	0.00	0.13
LPB	20.60	6.80%	0.92	45.86
SAM	7.15	6.29%	0.04	2.88
SSC	32.00	5.78%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ALT	15.00	10.00%	0.04	0.00
#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A
HTC	21.10	9.95%	0.15	0.00
ATS	12.20	9.84%	0.02	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MWG	60.80	-1.48%	-0.31	15.62
GVR	32.75	-0.61%	-0.19	4.27
BCM	58.60	-0.85%	-0.12	0.45
CMG	63.00	-3.81%	-0.11	3.48
PGV	21.10	-1.66%	-0.09	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DHT	35.80	-5.03%	-0.54	0.38
DNP	20.40	-3.92%	-0.35	0.00
VCS	70.50	-0.71%	-0.30	0.35
VIF	16.50	-1.21%	-0.26	0.01
TKU	16.50	-9.70%	-0.26	0.00

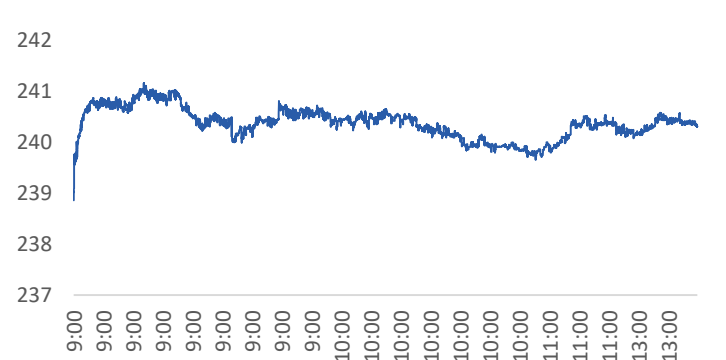
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNC	60.00	-7.00%	-0.02	0.00
DXV	7.05	-6.95%	0.00	0.08
SRC	33.95	-6.92%	-0.01	0.00
HU1	6.33	-6.79%	0.00	0.00
ABR	14.90	-6.72%	0.00	0.02

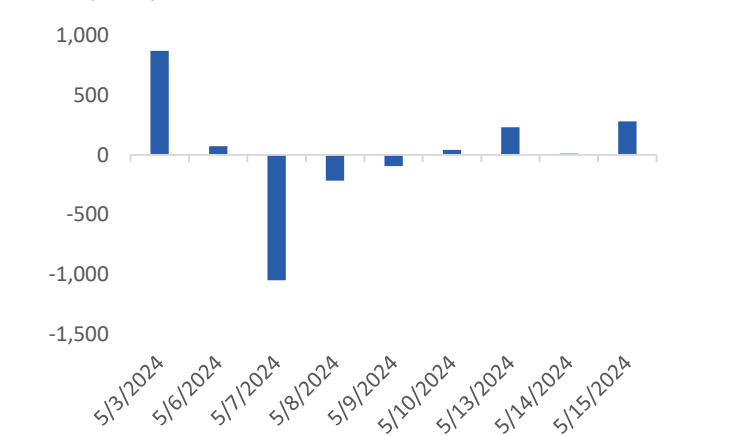
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCO	25.70	-9.73%	-0.04	0.38
TKU	16.50	-9.70%	-0.26	0.00
VE8	5.40	-9.26%	0.00	0.01
VE3	10.00	-9.00%	0.00	0.00
SGD	10.70	-8.41%	-0.01	0.00

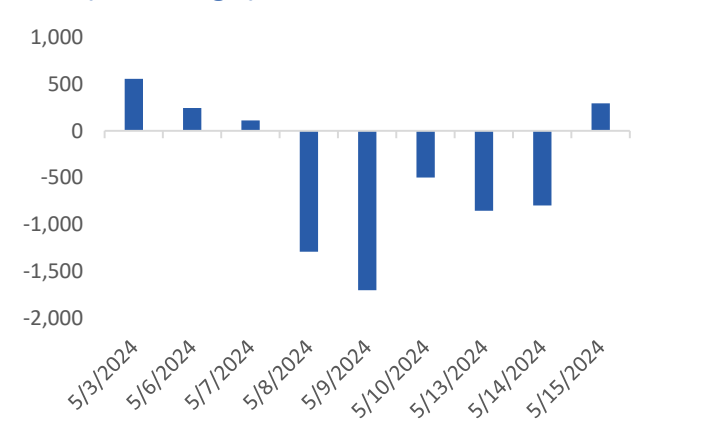
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	92.6	1.80%	0.6	20,336	6.2	5,838	15.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.6	2.10%	1.0	11,110	4.1	3,841	12.9	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	1.80%	1.0	6,048	15.8	1,397	13.9	23,685	27.6%	Link
TCB	Ngân hàng	49.9	3.70%	1.1	6,907	40.9	5,600	8.9	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	23.4	2.20%	1.0	4,861	28.9	3,818	6.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.4	2.20%	1.0	2,104	18.7	4,206	6.8	31,200	23.3%	Link
CTG	Ngân hàng	33.2	2.60%	1.2	7,005	18.5	3,751	8.9	19,100	297.2%	Link
ACB	Ngân hàng	28.2	2.00%	0.8	4,311	33.5	4,072	6.9	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	36.1	0.40%	1.3	2,141	19.3	1,704	21.2	45,900	44.0%	Link
IDC	BĐS KCN	63.5	0.20%	1.2	823	7.2	5,880	10.8	-	22.9%	Link
HPG	VLXD	31.6	1.30%	1.2	7,220	34.0	1,601	19.7	23,300	25.3%	Link
HSG	VLXD	21.5	1.40%	1.6	520	10.0	1,423	15.1	79,900	19.7%	Link
VHM	BĐS	40.2	0.00%	1.0	6,887	13.1	5,074	7.9	38,900	18.2%	Link
KDH	BĐS	36.8	1.10%	1.4	1,156	5.3	726	50.7	44,100	40.1%	Link
NLG	BĐS	44.0	3.80%	1.5	665	8.0	1,040	42.3	46,100	47.9%	Link
DGC	Hóa chất	126.0	-0.10%	1.6	1,880	14.8	7,845	16.1	85,000	19.5%	Link
DCM	Phân bón	37.1	2.50%	1.3	772	12.5	2,313	16.0	41,000	8.9%	Link
GAS	Dầu khí	75.9	0.50%	0.6	6,850	3.3	4,688	16.2	36,000	2.3%	Link
PVS	Dầu khí	45.6	4.60%	0.9	856	19.6	1,992	22.9	110,500	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	32.6	2.20%	1.2	712	12.9	1,200	27.2	45,000	18.4%	Link
POW	Tiện ích	11.2	1.40%	0.7	1,026	3.4	350	31.9	38,500	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	74.9	-1.10%	1.2	661	4.5	3,774	19.8	29,000	31.5%	Link
GMD	Logistics	84.4	1.70%	0.9	1,030	7.1	8,430	10.0	14,500	48.0%	Link
VNM	Bán lẻ	67.2	0.30%	0.6	5,518	7.7	4,408	15.2	81,700	51.2%	Link
MSN	Bán lẻ	72.4	0.30%	1.3	4,283	11.5	215	336.2	27,700	26.3%	Link
MWG	Bán lẻ	59.9	-1.50%	1.5	3,442	30.5	717	83.5	63,800	48.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.2	0.50%	1.0	1,278	4.3	5,860	16.6	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	61.8	0.00%	1.9	406	4.8	2,200	28.1	90,900	23.8%	Link
FPT	Công nghệ	135.4	1.00%	0.9	6,756	16.6	5,335	25.4	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	134.0	-1.00%	1.1	602	2.9	4,582	29.2	108,000	10.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.2	3.00%	0.9	2,770	8.6	3,809	6.4	1.5	18.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.3	2.10%	1.2	2,223	8.0	3,315	6.7	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.4	2.20%	1.3	1,587	6.9	2,050	9.0	1.2	28.7%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.4	1.80%	1.2	1,128	4.1	2,310	6.2	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.8	0.80%	1.1	1,218	3.4	1,147	15.5	1.3	3.5%	10.1%
HCM	Chứng khoán	29.3	1.00%	1.6	810	8.2	1,175	24.9	2.4	32.3%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.8	0.40%	1.8	838	8.2	1,409	34.6	2.6	20.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	21.0	0.20%	1.6	1,007	7.8	2,057	10.2	1.5	19.8%	13.1%
BID	Ngân hàng	49.6	2.10%	1.0	11,110	4.1	3,841	12.9	2.3	17.2%	20.3%
SHS	Chứng khoán	19.4	0.00%	1.7	620	15.3	1,076	18.0	1.5	9.8%	5.7%
LCG	Xây dựng	12.0	1.30%	1.5	90	2.0	655	18.4	0.9	2.4%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.5	1.70%	1.5	614	3.2	73	239.5	1.4	0.0%	0.7%
CTD	Xây dựng	68.0	-0.30%	1.2	267	3.2	2,709	25.1	0.8	45.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.1	1.60%	1.5	212	4.4	833	15.7	0.5	8.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	10.1	2.00%	1.4	-	0.5	433	23.3	1.0	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	28.7	0.70%	1.9	688	20.2	(38)	-747.6	2.3	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	19.2	1.60%	1.3	388	6.7	312	61.6	1.6	5.2%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.5	0.80%	1.6	920	7.2	1,262	24.2	1.2	22.7%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.5	-0.20%	1.3	960	1.0	2,746	19.8	2.5	5.3%	12.5%
SZC	BĐS KCN	42.8	-0.60%	1.2	303	3.4	1,514	28.3	2.6	3.3%	13.4%
SIP	BĐS KCN	91.2	4.50%	1.3	652	2.3	5,701	16.0	3.9	0.9%	26.9%
PHR	BĐS KCN	61.0	0.70%	1.1	325	1.0	3,448	17.7	2.1	18.2%	18.3%
GVR	BĐS KCN	32.6	-0.60%	1.5	5,116	5.5	628	51.9	2.3	0.5%	6.2%
NKG	Vật liệu	24.6	0.20%	1.7	254	4.9	1,222	20.1	1.2	14.4%	2.3%
BMP	Hóa chất	119.1	0.10%	1.0	383	1.4	11,594	10.3	3.4	84.3%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.2	1.80%	1.5	211	2.3	865	16.4	1.2	5.2%	10.3%
DXG	Bất động sản	17.2	0.90%	1.9	488	5.6	420	41.1	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.6	1.30%	1.2	2,022	5.4	1,966	11.5	1.3	28.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.8	1.20%	1.9	885	8.0	964	26.8	2.0	6.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	64.4	0.30%	1.6	112	1.8	4,370	14.7	1.9	3.9%	16.1%
DHC	Hóa chất	39.2	0.40%	1.1	124	0.5	3,461	11.3	1.7	37.9%	17.2%
PLX	Dầu khí	38.2	0.00%	1.0	1,907	2.7	2,570	14.9	1.6	17.6%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.6	1.40%	1.5	91	0.4	1,112	25.7	1.7	0.4%	8.4%
BSR	Dầu khí	19.5	2.60%	1.1	-	8.9	2,588	7.5	1.0	0.0%	15.6%
DRC	Săm lốp	33.5	-0.60%	0.7	156	2.7	2,286	14.7	2.1	12.9%	13.2%
PC1	Tiện ích	27.5	2.00%	1.3	336	3.5	651	42.2	1.2	7.0%	4.1%
HDG	Tiện ích	27.4	0.20%	1.3	329	1.9	2,061	13.3	1.1	17.5%	12.9%
GEX	Tiện ích	22.5	0.20%	1.9	753	11.8	625	36.0	0.9	9.7%	4.1%
QTP	Tiện ích	17.0	0.60%	0.6	-	0.5	1,549	11.0	1.4	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	68.6	3.00%	0.9	1,102	4.7	4,706	14.6	1.3	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	30.8	0.30%	1.4	161	1.3	(252)	-122.0	1.4	1.6%	1.5%
PTB	Thủy sản	71.0	1.10%	0.7	187	0.9	4,765	14.9	1.7	24.9%	10.6%
PVT	Logistics	29.4	0.30%	0.9	411	7.0	3,150	9.3	1.0	13.0%	14.3%
VSC	Logistics	21.2	0.00%	1.5	222	1.9	532	39.7	1.7	1.5%	6.2%
HAH	Logistics	41.9	0.10%	1.4	174	5.0	3,081	13.6	1.4	4.0%	12.1%
VTP	Logistics	81.7	-0.50%	1.3	391	3.5	2,980	27.4	6.1	7.3%	25.6%
DBC	Bán lẻ	31.4	1.80%	1.7	299	15.0	1,729	18.2	1.6	3.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	165.6	1.00%	0.8	886	5.4	(2,548)	-65.0	11.0	35.5%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.7	-0.60%	0.7	-	1.8	6,737	7.2	2.0	15.2%	27.3%
DPM	Phân bón	35.0	0.90%	1.2	538	3.8	1,372	25.5	1.2	8.4%	4.2%
TNG	Dệt may	25.2	2.90%	1.1	112	5.5	1,981	12.7	1.5	20.5%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639